

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



GIÁO TRÌNH

**MÔN HỌC: LUẬT KINH TẾ
NGÀNH: QUẢN LÝ BÁN HÀNG SIÊU THỊ
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 404 /QĐ- CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch)

Lưu hành nội bộ

Thái Nguyên, năm 2022

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo. Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường hội nhập quốc tế, đặc biệt từ khi Việt Nam ra nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Trong quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế, luôn phát sinh những mối quan hệ kinh tế rất cần sự điều chỉnh của pháp luật. Từ đó đặt ra yêu cầu đòi hỏi các đối tượng tham gia vào các mối quan hệ đó phải am hiểu kiến thức về pháp luật nhất là pháp luật kinh tế. Để đáp ứng nhu cầu đó và cung cấp những kiến thức lý luận và kỹ năng xử lý tình huống cũng như vận dụng đúng đắn, hiệu quả pháp luật kinh tế cho các chủ thể hoạt động kinh tế, giáo trình “***Luật kinh tế***” đã được biên soạn nhằm đáp ứng được yêu cầu công tác đào tạo của Trường cao đẳng Thương mại và Du lịch và nhu cầu của xã hội.

Nội dung Giáo trình nhằm trang bị cho người học những kiến thức và hiểu biết cơ bản về những quy định pháp luật hiện hành ở Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại, đồng thời rèn luyện cho người học các kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong thực tế.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Bài 1: Những vấn đề cơ bản về Luật kinh tế

Bài 2: Pháp luật về Doanh nghiệp

Bài 3: Pháp luật về Hợp đồng trong kinh doanh thương mại

Bài 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Trong quá trình biên soạn giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
BÀI 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT KINH TẾ.....	15
I. Khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của Luật kinh tế	15
1. Khái niệm luật kinh tế	15
2. Đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế	15
3. Chủ thể của luật kinh tế	16
4. Vai trò của luật kinh tế trong quản lý kinh tế	17
II. Quản lý Nhà nước về kinh tế	19
1. Nội dung của quản lý Nhà nước về kinh tế	19
2. Các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế	19
BÀI 2. PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP	23
I. Những quy định chung	25
1. Khái niệm doanh nghiệp.....	25
2. Đặc điểm của doanh nghiệp.....	25
II. Thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh	26
1. Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp	26
2. Trình tự đăng ký kinh doanh	27
3. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	28
4. Nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	28
5. Công bố nội dung đăng ký kinh doanh.....	29
III. Các loại hình doanh nghiệp	29
1. Công ty trách nhiệm hữu hạn	29
2. Công ty cổ phần.....	31
3. Doanh nghiệp Nhà nước	32
4. Công ty hợp danh	33
5. Doanh nghiệp tư nhân.....	34
6. Nhóm công ty	34
IV. Tổ chức lại , giải thể, phá sản doanh nghiệp	35
1. Tổ chức lại doanh nghiệp	35
2. Giải thể doanh nghiệp.....	37
3. Phá sản doanh nghiệp	38
V. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.....	40
1. Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp	40
2. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp	41
PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI	48
I. Khái quát chung về hợp đồng	48
1. Khái niệm, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng	48
2. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng	52
3. Các loại hợp đồng.....	53
II. Hợp đồng trong kinh doanh thương mại.....	56
1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng thương mại	56
2. Các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại	57
III. Trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại	77
1. Các hình thức trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại	78
2. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm.....	81
BÀI 4 PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH	84
I. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.....	86
2. Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.....	86
II. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh - thương mại bằng Trọng tài thương mại.....	88
1. Khái niệm Trọng tài thương mại	88
2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài.....	89

3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài.....	89
4. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài	90
III. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân	91
1. Thẩm quyền giải quyết những tranh chấp, những yêu cầu về kinh doanh thương mại của Tòa án.....	91
2. Nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh – thương mại tại Tòa án	94
3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.....	97

Tailieu.vn

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: LUẬT KINH TẾ

Mã số môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC

- Vị trí: Môn học được bố trí giảng dạy trong chương trình đào tạo hệ Trung cấp
- Tính chất: Là môn học lý thuyết, được bố trí giảng dạy sau khi học sinh đã được học môn Pháp luật. Môn học này cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh thương mại. Kết thúc môn học được đánh giá bằng hình thức thi tự luận và trắc nghiệm.
- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Luật kinh tế là môn học khoa học mang tính thực tế và dành cho đối tượng là người học thuộc các chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, ... Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực Quản lý và kinh doanh siêu thị.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

1.1. Mục tiêu đào tạo chung

Học xong môn học này học sinh sẽ có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
 - + Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản, nắm được các quy định của nhà nước về kinh doanh thương mại.
- Về kỹ năng: Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học sinh thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của luật kinh tế
- Trình bày được nội dung quản lý nhà nước về kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.
- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp, việc thành lập và đăng ký kinh doanh;
- Trình bày được quy định về việc tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp và vấn đề quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp
- Trình bày được khái niệm, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng;
- Trình bày được các hình thức trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh thương mại;
- Trình bày được các trường hợp miễn trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại.
- Trình bày được khái niệm, đặc điểm của hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại cụ thể khác
- Trình bày được các loại hợp đồng trong kinh doanh – thương mại;
- Trình bày được khái niệm tranh chấp trong kinh doanh – thương mại với tranh chấp trong dân sự;
- Trình bày được cách thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh – thương mại bằng phương thức Trọng tài, Tòa án

- Trình bày được đặc điểm các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.

*** Về kỹ năng:**

- Biết phân loại chủ thể của luật kinh tế theo từng tiêu chí riêng
- Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp
- Vận dụng được các quy định của pháp luật vào giải quyết một số tình huống đăng ký kinh doanh đơn giản
 - Phân biệt được các cách tổ chức lại doanh nghiệp, phân biệt được các loại hình doanh nghiệp
- Phân biệt được giải thể doanh nghiệp và phá sản doanh nghiệp
 - Vận dụng quy định của pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp luật về xử lý vi phạm luật doanh nghiệp đơn giản
- Phân biệt được hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng dịch vụ
- Phân biệt được các hoạt động thương mại
 - Chỉ ra được các ưu, nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp, từ đó lựa chọn được phương thức giải quyết tranh chấp tối ưu cho từng tình huống pháp luật cụ thể
 - Phân biệt được tính hợp pháp và không hợp pháp của các hành vi từ đó áp dụng các quy định của pháp luật vào đời sống, vào quá trình học tập và lao động.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Học sinh thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.
- Chủ động đọc, tìm kiếm tài liệu phục vụ học tập
- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật vào đời sống

4. Chương trình khung

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/K iểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh cơ bản	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	65	1590	568	981	41
II.1	Môn học cơ sở	18	270	256	0	14
MH07	Tổng quan về siêu thị	2	30	28	-	2
MH08	Quản trị học	3	45	43	-	2
MH09	Luật kinh tế	2	30	28	-	2

MH10	Nguyên lý kế toán	3	45	43	-	2
MH11	Marketing căn bản	2	30	28	-	2
MH12	Tâm lý khách hàng và KNGT	3	45	43	-	2
MH13	Thương phẩm học	3	45	43	-	2
II.2	Môn học chuyên môn	45	1290	284	981	25
MH14	Tiếng Anh Thương mại	3	45	43	-	2
MH15	Quản lý siêu thị	3	45	43	-	2
MH16	Nghiệp vụ mua hàng	2	30	28	-	2
MH17	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	3	45	43	-	2
MH18	Kỹ thuật trưng bày hàng hóa	3	45	43	-	2
MH19	Nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa trong siêu thị	2	30	28	-	2
MH20	Kỹ thuật bảo quản hàng hóa	2	30	28	-	2
MH21	Phần mềm q.ly bán hàng siêu thị	2	60	-	57	3
MH22	Thuế	2	30	28	-	2
MH23	TH nghiệp vụ mua, bán, trưng bày hàng hóa	4	120	-	117	3
MH24	TH nghiệp vụ kho, vận chuyển, bảo quản hàng hóa	3	90	-	87	3
MH25	Thực tập tốt nghiệp	16	720	-	720	
II.3	Môn học tự chọn(chọn 1 trong 2)	2	30	28	0	2
MH26	Thương mại điện tử	2	30	28	-	2
MH27	Khởi sự kinh doanh	2	30	28	-	2
Tổng cộng		77	1845	662	1129	54

5. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Những vấn đề cơ bản về Luật kinh tế 1. Khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của luật kinh tế 1.1. Khái niệm luật kinh tế 1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế 1.2.1. Quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp; 1.2.2. Quan hệ phát sinh giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế đối	2	2		

	với các doanh nghiệp; 1.2.3. Quan hệ phát sinh trong nội bộ một doanh nghiệp 1.3. Chủ thể của luật kinh tế 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Đặc điểm của chủ thể của luật kinh tế 1.4. Vai trò của luật kinh tế trong quản lý kinh tế 2. Quản lý Nhà nước về kinh tế 2.1. Nội dung của quản lý Nhà nước về kinh tế 2.2. Cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế				
2	Bài 2: Pháp luật về Doanh nghiệp 1. Những quy định chung 1.1. Khái niệm doanh nghiệp 1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp 2. Quy định về thành lập doanh nghiệp 2.1. Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp 2.2. Trình tự đăng ký kinh doanh 2.3. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2.4. Nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2.5. Công bố nội dung đăng ký kinh doanh 3. Các loại hình doanh nghiệp 3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn 3.1.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên 3.1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 3.2. Công ty cổ phần 3.3. Doanh nghiệp Nhà nước 3.4. Công ty hợp danh 3.5. Doanh nghiệp tư nhân 3.6. Nhóm công ty 3.6.1. Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 3.6.2. Công ty mẹ, công ty con 4. Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp	12	11		1

	4.1. Tổ chức lại doanh nghiệp 4.1.1. Chia doanh nghiệp 4.1.2. Tách doanh nghiệp 4.1.3 Hợp nhất doanh nghiệp 4.1.4 Sáp nhập doanh nghiệp 4.1.5 Chuyển đổi công ty 4.2. Giải thể doanh nghiệp 4.2.1 Các trường hợp giải thể doanh nghiệp 4.2.2 Điều kiện giải thể doanh nghiệp 4.2.3 Hậu quả pháp lý của việc giải thể doanh nghiệp 4.2.4 Thẩm quyền ra quyết định giải thể doanh nghiệp 4.3. Phá sản doanh nghiệp 4.3.1 Khái niệm Phá sản 4.3.2 Nguyên nhân Phá sản 4.3.3 Hậu quả pháp lý của việc phá sản doanh nghiệp 4.3.4 Dấu hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản 4.3.5 Thẩm quyền giải quyết phá sản doanh nghiệp 5. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp 5.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp 5.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp 5.3. Xử lý vi phạm luật doanh nghiệp				
3	Bài 3: Pháp luật về Hợp đồng trong kinh doanh – thương mại 1. Khái quát chung về hợp đồng 1.1. Khái niệm, điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 1.2. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng 1.3. Các loại hợp đồng 2. Hợp đồng trong kinh doanh - thương mại 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng thương mại 2.1.1 Khái niệm hợp đồng thương mại 2.1.2 Đặc điểm của hợp đồng thương mại	8	8		

	2.2. Các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại 2.2.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa 2.2.2 Hợp đồng cung ứng dịch vụ 3. Trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại 3.1. Các hình thức trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại 3.2. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm				
5	Bài 4: Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1.1. Khái niệm tranh chấp trong kinh doanh 1.2. Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1.2.1. Thương lượng 1.2.2. Hòa giải 1.2.3. Trọng tài 1.2.4. Tòa án 2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh - thương mại bằng Trọng tài thương mại 2.1. Khái niệm Trọng tài thương mại 2.2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài thương mại 2.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp của Trọng tài thương mại 2.4. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại 3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh – thương mại tại Tòa án nhân dân 3.1. Thẩm quyền giải quyết những tranh chấp, những yêu cầu về kinh doanh – thương mại của Tòa án 3.2. Nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh – thương mại tại Tòa án 3.3. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố	8	7		1

	tụng				
6	Kiểm tra	1	1		1
	Tổng cộng	30	28		2

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm đọc các tài liệu, tình huống pháp luật về kinh tế trên thực tế, từ đó vận dụng để giải quyết các tình huống pháp luật đơn giản.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong 4 bài

- *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 12 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 16 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 30 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Chương trình môn học Luật kinh tế được sử dụng để giảng dạy trình độ trung cấp trong trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

- + Được đào tạo qua các lớp sư phạm tối thiểu, có khả năng truyền đạt cho học sinh
- + Đây là môn học gắn liền với thực tế đời sống nên giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức nhằm đạt được mục tiêu của môn học
- + Giáo viên trên cơ sở chương trình môn học soạn giáo án và bài giảng chi tiết để thực hiện giảng dạy theo đúng yêu cầu môn học. Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo viên phải thường xuyên đọc tài liệu và cập nhật những thông tin có liên quan. Trong quá trình giảng dạy cần liên hệ thực tế để học sinh ngoài việc nắm bắt được kiến thức còn có khả năng tự liên hệ với thực tế nghề nghiệp sau này.
- + Trong quá trình giảng dạy, khi các quy định pháp luật có sự thay đổi giáo viên chủ động chỉnh sửa nội dung cho phù hợp.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp.
- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.
- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.
- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

- Luật Doanh nghiệp, Luật số 68/2014/QH13
- Luật số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014 về phá sản;
- Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH ngày 28/6/2017 về Luật Thương mại;
- Luật số 54/2010/QH12 ngày 17/6/2010 về Trọng tài thương mại;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan tới lĩnh vực kinh doanh – thương mại

BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT KINH TẾ

GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là bài giới thiệu về khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của luật kinh tế; Quản lý Nhà nước về kinh tế để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những bài tiếp theo.

MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong học sinh có khả năng:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của luật kinh tế
 - + Trình bày được nội dung quản lý nhà nước về kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.
 - + Trình bày được vai trò của luật kinh tế trong quản lý nhà nước về kinh tế
- Về kỹ năng: Biết phân loại chủ thể của luật kinh tế theo từng tiêu chí riêng
- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - + Chủ động trong học tập, tìm kiếm tài liệu phục vụ bài học
 - + Tôn trọng và tuân thủ quy định của nhà nước

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 1 (cá nhân hoặc nhóm).

Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (bài 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống bài 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn

Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo...

Các điều kiện khác: Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1

Nội dung:

- + *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần trình bày đầy đủ hệ thống kiến thức cơ bản trong bài 1
- + *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống pháp luật
- + *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
 - Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
 - Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp:**
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)
 - + Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có

NỘI DUNG BÀI 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT LUẬT KINH TẾ

I. Khái niệm, đối tượng, chủ thể và vai trò của Luật kinh tế

1. Khái niệm luật kinh tế

+ LKT trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung là một ngành luật độc lập được hiểu là tổng thể những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình lãnh đạo và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các tổ chức kinh tế XHCN với nhau. Trong thời kỳ này, việc kinh doanh chủ yếu được tiến hành bởi các thành phần kinh tế quốc doanh, do đó, Luật kinh tế chủ yếu tập trung ghi nhận các vấn đề pháp lý về kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân; chế độ hạch toán kinh tế và Trọng tài kinh tế. Ở giai đoạn cuối của thời kỳ bao cấp, trong nền kinh tế có sự tham gia của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh để thu hút nhân lực, vật lực vào việc thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế của nhà nước. Vậy nên, trong một số mối quan hệ kinh tế cụ thể, công dân có thể tham gia với tư cách là chủ thể.

+ LKT trong nền kinh tế thị trường: NQ ĐH Đảng toàn quốc lần thứ VI đã ghi nhận: “Thực chất của đổi mới về cơ chế quản lý kinh tế là cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”. Đảng cũng xác định hai đặc trưng cơ bản của cơ chế mới là “tính kế hoạch”, “sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá, tiền tệ”. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã làm thay đổi cơ bản tính chất của các quan hệ trong kinh doanh và dẫn đến tất yếu thay đổi trong LKT cho phù hợp với thực tế khách quan.

+ Về thực chất, trong giai đoạn hiện nay, LKT là tổng thể các quy phạm pháp luật do NN ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp với nhau và với các cơ quan QLNN về kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước.

Nội dung của Luật kinh tế bao gồm 04 nhóm chế định pháp luật cơ bản đó là: Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Chế độ pháp lý về hợp đồng; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh – thương mại.

2. Đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế

Luật kinh tế điều chỉnh các nhóm quan hệ sau:

2.1 Quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp:

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, các doanh nghiệp phải tiến hành các hoạt động như: mua, bán vật tư, sản phẩm; cung cấp dịch vụ ...với các doanh nghiệp khác, chủ thể khác. Các hoạt động này hình thành nên các mối quan hệ trong kinh doanh và là đối tượng điều chỉnh chủ yếu của luật kinh tế.

Các quan hệ này có những đặc điểm cơ bản là:

+ Đó là những quan hệ phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động SXKD, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SX, KD của các DN.

+ Chủ thể của quan hệ này là các DN, như: DNNN, HTX, công ty, DNTN, cty hợp danh..... đó là các chủ thể độc lập, bình đẳng với nhau về mặt tổ chức, tài sản.

+ Quan hệ này chủ yếu phát sinh thông qua hợp đồng. Hợp đồng được ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, thoả thuận, bình đẳng giữa các chủ thể.

+ Quan hệ này là quan hệ tài sản, quan hệ mang tính chất đền bù ngang giá

2.2 Quan hệ phát sinh giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế đối với các doanh nghiệp:

Quản lý kinh tế là một chức năng cơ bản, quan trọng của Nhà nước, như quan hệ giữa Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật với đơn vị kinh tế trực thuộc; quan hệ giữa UBND với các doanh nghiệp của địa phương; quan hệ giữa cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế với các doanh nghiệp. Đó là những mối quan hệ quản lý nhà nước.

Các quan hệ này có các đặc điểm sau:

+ Quan hệ phát sinh trong quá trình QLNN về kinh tế;

+ Chủ thể tham gia quan hệ này có địa vị pháp lý khác nhau, một bên là các cơ quan QLNN về kinh tế, một bên là các đơn vị kinh tế;

+ Cơ sở pháp lý phát sinh quan hệ này là các văn bản QLNN về kinh tế.

2.3 Quan hệ phát sinh trong nội bộ một doanh nghiệp

Mỗi một doanh nghiệp được tổ chức dưới một hình thức pháp lý nhất định trên cơ sở các quy định của pháp luật và trên cơ sở các văn bản quản lý nội bộ của doanh nghiệp như: Điều lệ doanh nghiệp, nội quy doanh nghiệp. Thông thường các doanh nghiệp được cấu thành bởi các bộ phận. Trong quá trình tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, các bộ phận cấu thành của doanh nghiệp có mối quan hệ với nhau trong việc tổ chức cũng như thực hiện các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Các quan hệ này không chỉ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mà trong suốt quá trình tồn tại của doanh nghiệp từ khi doanh nghiệp được thành lập, tổ chức hoạt động cũng như chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp. Đây là quan hệ phát sinh trong nội bộ một doanh nghiệp.

Các quan hệ này có đặc điểm:

+ Chúng phát sinh trong nội bộ DN trong quá trình tổ chức thành lập DN, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, tổ chức lại DN, chấm dứt DN, phá sản DN.

+ Quan hệ này được điều chỉnh chủ yếu bằng các quy định của chính DN sao cho phù hợp với PL như: Điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp.

3. Chủ thể của luật kinh tế

3.1 Khái niệm

Những quan hệ do Luật kinh tế điều chỉnh luôn gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà hoạt động sản xuất, kinh doanh trong xã hội diễn ra rất phong phú và đa dạng dưới nhiều hình thức, quy mô và lĩnh vực khác nhau, vì vậy chủ thể của Luật kinh tế cũng rất phong phú. Chủ thể tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng rất đa dạng, bao gồm nhiều tổ chức, cá nhân. Các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ đó đều được hưởng quyền đồng thời cũng đều phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định. Vì vậy, có thể hiểu: *Chủ thể của Luật kinh tế là các tổ chức, cá nhân có những quyền và nghĩa vụ pháp lý khi tham gia vào các quan hệ kinh tế do Luật kinh tế điều chỉnh.*

3.2 Đặc điểm của chủ thể của luật kinh tế

Chủ thể tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh rất đa dạng, bao gồm nhiều tổ chức, cá nhân. Vì vậy, để xác định chủ thể của Luật kinh tế chúng ta dựa vào một số những đặc điểm sau:

3.2.1 Chủ thể phải được thành lập hợp pháp

Việc thành lập hợp pháp được xác định thông qua:

- + Đơn vị đó do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận;
- + Đơn vị đó có chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động rõ ràng và được tổ chức dưới một hình thức nhất định.

3.2.2 Chủ thể phải có tài sản riêng

Tài sản là cơ sở vật chất không thể thiếu được để cho các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đó được biểu hiện bằng vốn sản xuất, kinh doanh. Dấu hiệu cơ bản để xác định một đơn vị có tài sản riêng thể hiện ở chỗ chủ thể đó có một khối lượng tài sản nhất định và có những quyền và nghĩa vụ nhất định đối với tài sản đó. Chủ thể có tài sản có quyền chi phối tài sản đó theo nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Đồng thời chủ thể đó phải tự chịu trách nhiệm độc lập bằng chính tài sản của mình trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Một chủ thể không có tài sản thì chủ thể đó không thể tham gia một cách độc lập các quan hệ kinh tế.

3.2.3 Chủ thể phải có thẩm quyền kinh tế

+ Thẩm quyền kinh tế là tổng thể những quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh khi chủ thể tham gia quan hệ pháp luật kinh tế do pháp luật quy định, là cơ sở pháp lý để các chủ thể tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thẩm quyền kinh tế của chủ thể bao giờ cũng tương ứng với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, phạm vi hoạt động của đơn vị đó. Vì vậy, trên thực tế mỗi chủ thể có thẩm quyền rộng, hẹp khác nhau.

+ Thẩm quyền kinh tế là cơ sở pháp lý để các doanh nghiệp thực hiện các hành vi pháp lý nhằm tạo cho mình những quyền và nghĩa vụ, đồng thời nó cũng xác định rõ giới hạn mà trong đó doanh nghiệp được hành động. Thẩm quyền kinh tế của các chủ thể một phần được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành, một phần thì phát sinh trong quá trình các chủ thể tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, thông qua quyết định của chủ thể trên cơ sở các quy phạm pháp luật nhà nước đã cho phép.

+ Khi tham gia vào các quan hệ PLKT, các chủ thể có những quyền và nghĩa vụ phù hợp với các mục đích hoạt động và phạm vi hoạt động đã được xác định trong phạm vi giấy phép kinh doanh đã được cấp.

Như vậy, chủ thể của Luật kinh tế không phải là mọi tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh mà phải là những tổ chức, cá nhân phải thỏa mãn những đặc điểm của chủ thể của Luật kinh tế và đó thường là những tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ tham gia các quan hệ kinh tế do Luật kinh tế điều chỉnh.

4. Vai trò của luật kinh tế trong quản lý kinh tế

Nền kinh tế càng phát triển thì sự quản lý càng phải khoa học. Một trong những tiêu chuẩn đánh giá sự quản lý có khoa học là phải quản lý bằng pháp luật. Sự tác động của pháp luật đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh được thực hiện qua một cơ chế phức tạp. Hoạt động sản xuất, kinh doanh được tiến hành thông qua cách sử dụng ý thức của con người và phải tuân theo những quy luật kinh tế khách quan. Pháp luật không đặt ra những quy luật mà chỉ tác động đến hành vi của người kinh doanh. Pháp luật được ban hành phải đặt ra những tiêu chuẩn, quy định phù hợp với quy luật. Pháp luật còn mang tính cưỡng chế, pháp luật thể hiện yêu cầu của nhà nước đối với các đơn vị kinh tế thông qua việc xác lập quyền và nghĩa vụ chủ thể. Do đó, pháp luật đã trở thành một công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý về kinh tế.

Trong hệ thống pháp luật kinh tế, luật kinh tế có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Vai trò của nó được biểu hiện ở các mặt cụ thể sau:

4.1 Luật kinh tế xác lập vai trò của Nhà nước trong việc quản lý và điều hành nền kinh tế

Điều 15 Hiến pháp 1992 đã ghi nhận: “Nhà nước xây dựng nền kinh tế độc lập”, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng”. Điều 26 Hiến pháp 1992 ghi nhận: Nhà nước thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách; phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý nhà nước giữa các ngành, các cấp; kết hợp lợi ích của cá nhân, của tập thể với lợi ích của nhà nước.

Như vậy, Nhà nước sử dụng luật pháp để xác lập vị trí, vai trò của mình trong việc quản lý, điều hành nền kinh tế được thực hiện thông qua các cơ quan trong Bộ máy nhà nước.

4.2 Pháp luật kinh tế xác lập địa vị pháp lý cho các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị kinh tế khác làm chức năng sản xuất kinh doanh

Hoạt động SXKD là hoạt động phức tạp và được biểu hiện dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau. Tham gia vào hoạt động kinh doanh bao gồm nhiều tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước phải xác định cho mỗi tổ chức, cá nhân một địa vị pháp lý nhất định nhằm tạo ra cơ sở pháp lý cho các chủ thể đó hoạt động. Nhà nước xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ của từng chủ thể. Xác định các hình thức sở hữu đối với tài sản ở trong DN, xác định thẩm quyền kinh tế cho các DN..... Thông qua PLKT, NN xác định tư cách pháp lý cho các chủ thể kinh doanh và thực hiện sự quản lý của mình.

4.3 Pháp luật kinh tế điều chỉnh hành vi kinh doanh của các chủ thể kinh doanh

Trong quá trình hoạt động SXKD, các chủ thể kinh doanh phải thực hiện nhiều hành vi như mua, bán vật tư, sản phẩm, vay vốn, liên doanh, liên kết..... những hành vi đó được thực hiện thông qua hợp đồng. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh cũng như đảm bảo kỷ luật, trật tự trong kinh doanh, Nhà nước phải xác định điều kiện, nguyên tắc, thủ tục ký kết hợp đồng, quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng, trách nhiệm tài sản khi các chủ thể có hành vi vi phạm. Như vậy, NN xác định hành vi kinh doanh hợp pháp, bảo đảm lợi ích của họ và lợi ích chung của xã hội.

4.4 Pháp luật kinh tế xác lập cơ quan tài phán kinh tế trong kinh doanh, thương mại

Do tính chất của hoạt động sản xuất, kinh doanh, những tranh chấp phát sinh giữa các nhà kinh doanh đòi hỏi phải được giải quyết nhanh chóng, đảm bảo thời cơ kinh doanh cũng như đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong quản lý kinh tế. Cần phải có cơ quan chuyên trách giải quyết tranh chấp đó với một thủ tục đặc biệt. Ở nước ta các cơ quan đó là TA và TTTM. Luật kinh tế quy định chức năng, thẩm quyền của TA, nguyên tắc giải quyết, thủ tục giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng trong kinh doanh, thương mại. Việc giải quyết tốt các tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại góp phần bảo đảm trật tự trong hoạt động SXKD, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các chủ thể kinh doanh.

4.5 Pháp luật kinh tế xác định điều kiện và thủ tục phá sản doanh nghiệp

Nhà nước cần phải can thiệp và điều chỉnh vào hoàn cảnh phá sản ở một DN nhằm xác lập trật tự các hoạt động thanh toán, chi trả, phát mãi tài sản và bảo vệ quyền con người của nhà DN. PLKT xác định trách nhiệm các doanh nghiệp bị phá sản, phải triệt để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc đối với DN phá sản trước và sau khi bị phá sản để bảo vệ quyền lợi cho các cá nhân, tổ chức và các DN khác có quan hệ tài sản, quan hệ lao động đối với các DN bị phá sản.

Ngoài những vấn đề cơ bản nói trên, luật kinh tế còn có vai trò quan trọng trên các lĩnh vực khác của hoạt động SXKD như: xác lập việc quản lý chất lượng hàng hoá, quản lý giá cả; quy định việc đào tạo, sử dụng lao động; quy định việc tổ chức, quản lý và sử dụng đất đai; quy định hoạt động cấp phát, cho vay, huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.....

II. Quản lý Nhà nước về kinh tế

1. Nội dung của quản lý Nhà nước về kinh tế

Nhà nước thực hiện việc quản lý về kinh tế bằng pháp luật và thông qua hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước. Nội dung của chức năng này là sự thể hiện thành văn bản nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.

Nội dung của chức năng quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm:

- + Nhà nước xây dựng chiến lược phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật; xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế theo ngành và các vùng lãnh thổ; Xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.
- + Nhà nước xây dựng và ban hành pháp luật, các chính sách, chế độ quản lý nhằm cụ thể hóa và thực hiện Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH. Xây dựng và ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật.
- + Nhà nước cung cấp các thông tin cho hoạt động kinh doanh, bao gồm thông tin trong nước và quốc tế về thị trường, giá cả; tiến hành dự báo, dự đoán về sự phát triển của thị trường, của giá cả làm cơ sở để doanh nghiệp xây dựng và thực hiện các kế hoạch kinh doanh.
- + Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh bao gồm môi trường kinh tế, môi trường pháp lý, chính trị trong và ngoài nước; cải thiện các quan hệ quốc tế về kinh tế để tạo cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, mở rộng quan hệ thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài.
- + Nhà nước xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp cho toàn bộ nền kinh tế; xây dựng và ban hành thống nhất chế độ tiêu chuẩn, bằng cấp, chứng chỉ và chức năng của các loại cán bộ quản lý làm cơ sở cho việc tuyển dụng của các doanh nghiệp.
- + Nhà nước cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp.
- + Nhà nước thực hiện việc kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế

Hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế là một trong những nội dung thuộc thẩm quyền hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước. Trong thực tế, mọi cơ quan trong hệ thống các cơ quan nhà nước đều trực tiếp hay gián tiếp, ít nhiều thực hiện các hoạt động liên

quan đến những nội dung quản lý nhà nước về kinh tế. *Các cơ quan Nhà nước mà trong thẩm quyền quy định trực tiếp liên quan và thực tế hoạt động cũng thường xuyên thực hiện những nội dung quản lý nhà nước về kinh tế được gọi là cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.* Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đồng thời có chức năng quản lý nhà nước về kinh tế như: Chính phủ, Bộ, các cơ quan ngang Bộ, UBND.

2.1 Chính phủ

Điều 109 Hiến pháp 1992 quy định: Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của của Bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương; đảm bảo việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với QH, UBTWQH, CTN.

Điều 9 Luật tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực kinh tế:

- + Thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; củng cố và phát triển kinh tế nhà nước; chú trọng các ngành, lĩnh vực then chốt để đảm bảo vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể tạo thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.
- + Quyết định chính sách cụ thể để phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại hình thị trường theo định hướng XHCN.
- + Quyết định chính sách cụ thể để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa công nghiệp và nông thôn.
- + Xây dựng dự án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, năm năm, hàng năm trình QH chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đó.
- + Trình QH dự toán ngân sách nhà nước, dự kiến phân bổ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, tổng quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; tổ chức và điều hành thực hiện ngân sách nhà nước được QH quyết định.
- + Quyết định chính sách cụ thể, các biện pháp về tài chính, tiền tệ, tiền lương, giá cả.
- + Thống nhất quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản thuộc sở hữu toàn dân, tài nguyên quốc gia; thi hành chính sách tiết kiệm; thực hiện chức năng chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.
- + Thi hành chính sách bảo vệ, cải tạo, tái sinh và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- + Thống nhất quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phát huy nội lực của đất nước, phát triển các hình thức quan hệ kinh tế với các quốc gia, tổ chức quốc tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và cùng có lợi, hỗ trợ và thúc đẩy sản xuất trong nước.
- + Tổ chức và lãnh đạo công tác kiểm kê, thống kê của nhà nước.

2.2 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ

Theo Điều 22 Luật tổ chức Chính phủ: Bộ, cơ quan ngang Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực, thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.